

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/01/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+RP3	7:25	17+5	0+0		13+9	0+0	
2		P4+BK21	7:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
3		TD2+PPD	7:25	6+16	0+0		6+16	0+0	
4		PPD+P8+TGTH5	9:25	8+8+5	0+0+0		9+5+7	0+0+0	
5		RP3+BK8 + <i>CPK3</i>	9:25	21+1	0+0		20+1	0+0	chuyen 1 RP3- BK8
6		AMD+TGTH4+P2	9:25	16+4+2	0+0+0		16+3+3	0+0+0	
7		P1+P6+P4	11:25	19+0+1	0+0+0		0+5+17	0+0+0	

1 người là CPK3

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ đi về trong ngày P4-2ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD2 - RP3	CREW: Dương - ĐNam - QTrưởng	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN SY HIEU	TD2	15	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM THANH GIANG	TD2	18	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
3	TRUONG DUC MANH	TD2	14	1	13		78	KHOAN	Vietnamese
4	NGO QUANG HUNG	TD2	23	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
5	LE QUANG CUONG	TD2	17	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN THANH ANH	TD2	24	1	5	25	70	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VAN BAC	TD2					82	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN MANH CUONG	TD2	21	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
9	NGO VAN HUY	TD2	25	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
10	LE ANH QUAN	TD2	16	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN DUC THIENH	TD2	10	1	11		76	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TIEN	TD2	11	1	9		86	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN THANH QUANG	TD2	26	1	5		72	VIET PHA	Vietnamese
14	TRAN TRINH QUOC VUONG	TD2	12	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN DUY DUC	TD2	22	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
16	LE XUAN THANG	TD2	19-20	2	20		84	KHOAN	Vietnamese
17	LAI CAO THANH	TD2	13	1	15		63	KHOAN	Vietnamese
18	ARUSHANOV SERGEI	RP3	54	1	7		110	KHOAN	Russian
19	NGUYEN VAN XUAN	RP3	55	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN TU DO	RP3	57	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN TAN PHUOC	RP3	56	1	5	40	64	KHOAN	Vietnamese
22	TRAN DUC DUC	RP3	53	1	6		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	17	17	137	1.302	25	13		
2	RP3	5	5	30	365	40	9		
TOTAL		22	22	167	1.667	65	22		
WEIGHT KG				167	1.667	65			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Lưu VSP

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/01/2024	TO: P4 - BK21	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VTHU - ĐỨC - thông	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CANH TÂN	P4					70	XNKT	Vietnamese
2	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	22	1	5		60	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH ĐỨC	P4	27	1	4		94	KHI	Vietnamese
4	TRƯỜNG THANH GIAP	P4	36	1	4		71	KHI	Vietnamese
5	HOANG TRỌNG TÂN	P4	71	1	7		71	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG HA	P4	70	1	3		68	KHI	Vietnamese
7	PHẠM VĂN QUYÊN	P4	23-24	2	12		77	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN THÀNH	P4	34-35	2	10		61	KHI	Vietnamese
9	TRỊNH XUÂN HUYỀN	P4	28	1	5		75	KHI	Vietnamese
10	LÊ HUY CHUÔNG	P4	33	1	5		67	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN ANH	P4	21	1	4		67	KHI	Vietnamese
12	HOANG THAI DUONG	P4	39	1	4		71	KHI	Vietnamese
13	LÊ TRUNG LAM	P4	25	1	3		60	KHI	Vietnamese
14	PHẠM HỮU THỌ	P4	32	1	8		66	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH GIAP	P4	72	1	4		68	KHI	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC QUANG	P4					64	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VŨ HÙNG	P4					60	KHI	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN TRUNG	P4	29	1	6		78	KHI	Vietnamese
19	BUI ĐÌNH PHI	P4	26	1	5		64	NIPI	Vietnamese
20	PHAN VĂN THỊNH	P4	56	1	5		77	NIPI	Vietnamese
21	TRẦN ĐẠI THIỆU	P4	55	1	5		95	NIPI	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH TAT	P4	30-31	2	20		70	NHA THAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	22	119	1.554	0	20		
2	BK21	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	22	119	1.554	0	22		
WEIGHT KG				119	1.554	0			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



Luân VSP

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/01/2024	TO: TD2 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - Tú	ETA: 09:30
VANG-1			

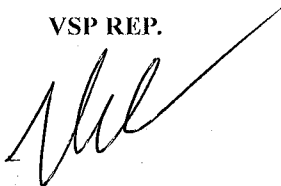
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HAI NGÂN	TD2	44	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
2	NGÔ TRI HOANG	TD2	49-50	2	15		71	DVL	Vietnamese
3	MAI HUY TÚ	TD2	51	1	9		59	DVL	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC CANH	TD2	45	1	3		62	PSV	Vietnamese
5	ĐẠO VĂN TIỀN	TD2	46-47	2	10		56	PSV	Vietnamese
6	PHẠM CÔNG BẢNG	TD2	48	1	8		51	PSV	Vietnamese
7	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	07	1	7		89	KHI	Vietnamese
8	ĐINH NGỌC QUY	PPD	99	1	3		74	KHI	Vietnamese
9	BUI HUU LAN	PPD	04	1	5		78	KHI	Vietnamese
10	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	05	1	3		78	KHI	Vietnamese
11	VÔ QUANG ĐẠT	PPD	208	1	3		57	KHI	Vietnamese
12	ĐẶNG PHÚC THẮNG	PPD	209	1	3		87	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	PPD	08	1	7		57	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	207	1	3		73	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TIỀN QUANG	PPD	10	1	4		68	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	45	1	8		82	KHI	Vietnamese
17	CAO NAM QUY	PPD	06	1	7		70	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	02	1	3		58	KHI	Vietnamese
19	HÀ THỊ BAO	PPD	03	1	6		73	KHI	Vietnamese
20	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	PPD	09	1	3		78	KHI	Vietnamese
21	LÊ HỒNG PHONG	PPD	98	1	5		77	KHI	Vietnamese
22	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	PPD	01	1	4	50	65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	6	8	54	359	0	6		
2	PPD	16	16	74	1.164	50	16		
TOTAL		22	24	128	1.523	50	22		
WEIGHT KG				128	1.523	50			

GRAND TOAL: 1.701 KGS

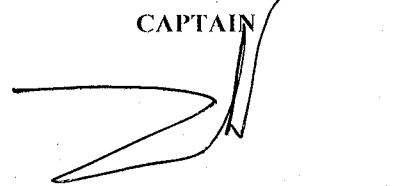
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/01/2024	TO: PPD - P8 - TGTH5	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Dương - ĐNam - QTrưởng	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	81	1	4	13	63	KHI	Vietnamese
2	LÊ HUY VINH	PPD	82	1	4		64	KHI	Vietnamese
3	VU VĂN CHIẾN	PPD	80	1	4		72	KHI	Vietnamese
4	ĐÀO ANH TUÂN	PPD	84	1	4		64	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD	85	1	8		75	KHI	Vietnamese
6	PHAN HOÀI BẢO	PPD	78	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC KHANG	PPD	79	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
8	ARTYUSHIN SERGEY	PPD	83	1	12		88	ANTOAN	Russian
9	LÊ NGUYỄN KINH CHÂU	P8	19	1	5		68	VIỆT PHÁT	Vietnamese
10	LÊ VĂN LỢI	P8	11-12	2	13		58	T-TIN	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN THAM	P8	13	1	10		63	T-TIN	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG DUÂN	P8	17	1	3		57	PSV	Vietnamese
13	LÊ CAO HAI	P8	14	1	7		61	PSV	Vietnamese
14	LÊ ĐỨC THUẬN	P8	16	1	5		52	PSV	Vietnamese
15	LÊ VĂN DƯƠNG	P8	15	1	5		57	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN PHẠM TUÂN ANH	P8	18	1	5		58	PSV	Vietnamese
17	TRẦN MINH KIÊN	TGTH5	01	1	7		68	HLJOC	Vietnamese
18	THAI THANH THẢO	TGTH5	700	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM ANH ĐỨC	TGTH5	02	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRUNG HIỆU	TGTH5	03-04	2	11		69	KH-THAC	Vietnamese
21	DƯƠNG VIỆT DUNG	TGTH5	05	1	6		49	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	8	8	46	581	13	9		
2	P8	8	9	53	474	0	5		
3	TGTH5	5	6	40	331	0	7		
TOTAL		21	23	139	1.386	13	21		
WEIGHT KG				139	1.386	13			

GRAND TOAL: 1.538 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	TO: RP3 - BK8 - CTK3	CREW: VTHU - ĐỨC - thông	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG TRUNG HIỆU	RP3	81	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
2	VU ĐỨC THANH	RP3	80	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN DUY TÂN	RP3	77	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM XUÂN HUY	RP3	79	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC TUÂN	RP3					68	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN MINH HIỆU	RP3	61	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT MINH	RP3	75-76	2	12		66	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	RP3					90	KHI	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	71	1	4		70	KHI	Vietnamese
10	VU MẠNH CUÔNG	RP3	73-74	2	9		72	KHI	Vietnamese
11	BUI VĂN PHI	RP3	62	1	3		72	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀNG NAM	RP3					87	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN CHINH THI	RP3	60	1	3		74	KHI	Vietnamese
14	LÊ HOÀNG ANH	RP3	72	1	5		68	KHI	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THIẾT	RP3	66-67	2	7		65	KHI	Vietnamese
16	ĐUƠNG HỒNG QUÂN	RP3	68-69	2	12		70	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC CUÔNG	RP3	65	1	6		80	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC BAO BÌNH	RP3	78	1	4		60	KHI	Vietnamese
19	TRỊNH QUANG HUY	RP3					70	KHI	Vietnamese
20	LÊ XUÂN HIỀN	RP3	70	1	4		78	KHI	Vietnamese
21	TRẦN THANH ĐỨC	RP3	63-64	2	14		98	KHI	Vietnamese
22	VÔ TRỌNG NHIÊN	BK8	50	1	15		55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	21	22	109	1.545	0	20	1	CHUYEN 1 PAX RP3-BK8
2	BK8	1	1	15	55	0	1		
3	CTK3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	23	124	1.600	0	22		
WEIGHT KG				124	1.600	0			

GRAND TOAL: 1.724 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/01/2024	TO: AMD - TGTH4 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - Tú	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN AN	AMD	25-26	2	10		59	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TÂN	AMD	33	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC THU	AMD	38	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	28	1	6	50	71	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐÌNH HIỆU	AMD	30	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SƠN	AMD	29	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI TRẦN LIÊM	AMD	36	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỒNG LINH	AMD	65	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC HẬU	AMD	34-35	2	8		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC LẠI	AMD	27	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG HỒ NGHĨA	AMD	24	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	31-32	2	13		72	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN QUYẾT	AMD	41	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRUNG KIẾN	AMD	37	1	10		95	KH-THAC	Vietnamese
15	TRINH BICH NGOC	AMD	63-64	2	13		67	KH-THAC	Vietnamese
16	THAN CANH THỊNH	AMD	39-40	2	14		75	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VINH QUANG	TGTH4	70,02	2	8		63	KH-THAC	Vietnamese
18	VI TRẦN TÂN THUẬN	TGTH4	28-29	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM TÂN ANH ĐỨC	TGTH4	53-54	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH SỰ	TGTH4	27	1	7		67	PSV	Vietnamese
21	LÊ VĂN LONG	P2	50	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THẾ ANH	P2	48-49	2	15		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	16	21	118	1.145	50	16		
2	TGTH4	4	7	40	261	0	3		
3	P2	2	3	19	142	0	3		
TOTAL		22	31	177	1.548	50	22		
WEIGHT KG				177	1.548	50			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/01/2024	TO: P1 - P6 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Dương - ĐNam - QTrường	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN CHÁNH	P1	76	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯƠNG HỒNG HAI	P1	78	1	13		82	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ ĐOÀN HÙNG	P1	74	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN TUẤN ANH	P1	77	1	10		94	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	P1	79	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THẾ HỒI	P1	75	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
7	BELYAEV	P1	80	1	15		82	KH-THAC	Russian
8	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P1	95	1	12	40	70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN QUY	P1	92	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN AN NINH	P1	96	1	16		71	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN DƯƠNG	P1	85	1	9		85	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ QUỐC VƯƠNG	P1	81-83	3	16		75	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN MẠNH CUÔNG	P1	87-88	2	14		76	XAYLAP	Vietnamese
14	HOÀNG NGỌC HOÀI	P1	84	1	17	30	63	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAN THANH HÙNG	P1	89-90	2	16		74	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐỖ NHẬT QUI	P1	86	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
17	ELTUKOVA TATIANA **	P1	51	1	8		86	NIPI	Russian
18	ĐỖ VĂN HOANG	P1	93-94	2	9		70	DK9	Vietnamese
19	VŨ TIẾN NGỌC	P1	91	1	8		77	DK9	Vietnamese
20	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	P1	72-73	2	19		63	PSV	Vietnamese
21	ĐỖ XUÂN CÔNG	P4	20	1	3	25	50	NHA THAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	20	26	236	1.495	70	0		
2	P6	0	0	0	0	20	5		
3	P4	1	1	3	50	25	17		
TOTAL		21	27	239	1.545	115	22		
WEIGHT KG				239	1.545	115			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

đầu VSP